

通知

修改、补充公安部部长于2021/5/15颁布详细规定《居住法》若干条款和实施措施之第55/2021/TT-BCA号通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA号通知修改、补充）；公安部部长于2021/5/15颁布规定关于居住登记、管理之表格之第56/2021/TT-BCA号通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA号通知修改、补充）；公安部部长于2024/5/15颁布详细规定《身份证法》若干条款和实施措施之第17/2024/TT-BCA号通知

根据2020年11月13日《居住法》；

根据2023年11月27日《身份证法》；

根据政府于2025年2月18日颁布规定关于公安部的职能、任务、权限及组织架构之第02/2025/NĐ-CP号议定；

应社会秩序行政管理公安局局长的建议；

公安部部长颁布修改、补充公安部部长于2021/5/15颁布详细规定《居住法》若干条款和实施措施之第55/2021/TT-BCA号通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA号通知修改、补充）；公安部部长于2021/5/15颁布规定关于居住登记、管理之表格之第56/2021/TT-BCA号通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA号通知修改、补充）；公安部部长于2024/5/15颁布详细规定《身份证法》若干条款和实施措施之第17/2024/TT-BCA号通知之通知。

第一条：修改、补充公安部部长于2021/5/15颁布详细规定《居住法》若干条款和实施措施之第55/2021/TT-BCA号通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA号通知修改、补充）之若干条款

1. 修改、补充第3条第2款、第3款如下：

「2. 若公民亲自至居住登记机关提交文件，则须提供以下信息：姓氏、中间名与出生名字、出生年月日、个人识别号码、居住地及有关符合居住登记条件的相关信息。接收人员将查询、调取《国家人口数据库》以及其他相关数据库、信息系统中的公民信息，以建立居住登记档案。完成提交申请后，办理在线居住登记申请人将获发一组行政手续申请编号，以便追踪与查询办理进度。公民有责任出示用以证明其所申报信息的原始文件或数据，以供居住登记机关查验、比对，并在进行验证时记录于报告中以确保信息之准确性。

3. 若以在线方式办理居住登记，公民依据所提供的电子表格填报信息，以及上传与符合居住登记条件相关的信息与文件，并透过在线支付功能缴纳相关费用。完成提交申请后，办理在线居住登记申请人将获发一组行政手续申请编号，以便追踪与查询办理进度。公民有责任出示用以证明其所申报信息的原始文件或数据，以供居住登记机关查验、比对，并在进行验证时记录于报告中以确保信息之准确性。」

2. 修改、补充第8条第2款如下：

「2. 关于照顾、抚养、援助之相关证明文件，包括以下其中一项：社级人委会出具的照顾、抚养证明书；社会救助机构负责人出具的接收决定书；社级人委会出具的援助决定书或依法规定的其他相关文件或数据。」

3. 修改、补充第9条第1款如下：

「1. 准予入籍越南的外国人在首次办理常住登记、暂住登记或申报居住信息时，须具备国家主席签发的准予入籍越南之决定书。准予回复越南国籍的越裔人士，在首次办理常住登记、暂住登记或申报居住信息时，亦须具备国家主席签发的准予回复越南国籍之决定书，除非其信息已可自国籍数据库中查询取得。」

4. 修改、补充第22条第7款如下：

「7. 指导、检查并指导社级公安办理居住登记与管理工作；对刑满释放在地方居住的人士指引办理居住登记以利其重新融入社会；管理、运行并开发利用居住信息数据库。」

5. 修改、补充第24条如下：

「第24条：社级公安的责任」

1. 履行《居住法》第33条所规定之责任。

2. 按照职权收集、更新、修订公民之信息，并登入居住数据库及国家人口数据库。

3. 配合直接管理辖当地经营道路、铁路、内陆水路客运服务的机关、组织、个人，对这些交通工具上的驾驶员和工作人员的居住情况进行核查和统计，以便服务于居住管理及预防犯罪工作。

4. 依据上级公安之规定，执行其他相关之居住管理业务。

5. 定期或不定期开展居住状况之检查。」

6. 删除第9条、第22条及第27条中「中央直属」一词。

7. 废除第23条。

第二条：修改、补充随附公安部部长于2021/5/15颁布规定关于居住登记、管理之表格之第56/2021/TT-BCA号通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA号通知修改、补充）中之若干表格

1. 以随附本通知之CT01号「居住信息变更申报表」替代原随第56/2021/TT-BCA号通知颁布之CT01号表格。
2. 以随附本通知之CT02号「居住信息变更申报表」（适用于无有效期越南护照的海外定居越南公民）替代原随第56/2021/TT-BCA号通知颁布之CT02号表格。
3. 以随附本通知之CT03号「临时缺席申报表」替代原随第56/2021/TT-BCA号通知颁布之CT03号表格。
4. 以随附本通知之CT12号「居住登记与管理情况及结果统计表」替代原随第56/2021/TT-BCA号通知颁布之CT12号表格。
5. 以随附本通知之CT15号「居住档案交接追踪簿」替代原随第56/2021/TT-BCA号通知颁布之CT15号表格。
6. 以随附本通知之CT16号「身份与居住数据查询使用追踪簿」替代原随（由公安部部长于2024/5/15颁布规定关于公民身分证的签发、更换及补发流程之第18/2024/TT-BCA号通知修改、补充之）第56/2021/TT-BCA号通知颁布之CT16号表格。
7. 废止随附第56/2021/TT-BCA号通知之CT13号「居住档案袋样式」。
8. 删除第7条中「中央直属」一词。

第三条：修改、补充公安部部长于2024/5/15颁布详细规定《身份证法》若干条款和措施之第17/2024/TT-BCA号通知之若干条款

1. 修改、补充第5条如下：

「第五条：国家人口数据库及身分证数据库中有关出生地、出生登记地、籍贯、民族、宗教的信息

1. 对于在国家人口数据库或身分证数据库中尚有或尚未完整记载出生地、出生登记地、籍贯等信息中社级、省级行政区名称的情况，身分证管理机关要求公民提供由审权机关签发载有完整该等信息的文件或数据，以进行收集、更新、调整，纳入国家人口数据库及身分证数据库。出生地、出生登记地、籍贯等信息应依据出生证明上的信息记载；若行政区名称已变更，则依新变更后的行政区名称记载，并注明出生证明上的原始信息。

若公民所提供的文件、数据未能完整显示社、社级或省级的行政区名称，则身分证管理机关要求公民提供相关信息并出具承诺书，对其所提供的出生地、出生登记地、籍贯等信息

负责。身分证管理机关有责任与户籍管理机关及其他相关机关配合，进行核查与验证，以确保信息在收集、更新与调整至国家人口数据库及身分证数据库前的准确性与一致性。

2. 若公民身分证上尚未载有民族、宗教信息，或虽已收集但公民提出更新、调整申请的，身分证管理机关有责任依据《身分证法》第10条的规定办理更新与调整。

所更新、调整至国家人口数据库与身分证数据库的民族与宗教信息，须属于经审权机关颁布并承认的民族、宗教名录。」

2. 修改、补充第15条如下：

「第十五条：社级公安的责任

1. 收集、更新、调整有关公民以及尚未确定国籍的越裔人士之信息，纳入国家人口数据库与身分证数据库；对国家人口数据库与身分证数据库中的信息进行标准化、数字化与开发利用；管理身分证及身分证明文件。

2. 掌握情况、统计与清查尚未领取身分证或身分证明文件之公民与尚未确定国籍的越裔人士。

3. 组织办理受理申请签发身分证、身分证明文件之相关工作；依法检查公民与尚未确定国籍越裔人士对身分证、身分证明文件之使用情况。

4. 解决与人口国家数据库、身分证数据库中信息的收集、更新、调整、查询，以及身分证的发放与管理工作相关的投诉与检举，在职责范围内予以处理。

5. 定期或不定期向省级公安报告所辖区域内有关身分证发放与管理工作的情况。」

3. 对随附第17/2024/TT-BCA号通知的一些表格进行更换，具体如下：

a) 以随附本通知之DC01号「人口信息收集表」替代随附第17/2024/TT-BCA号通知之DC01号表格；

b) 以随附本通知之CC03号「拒绝办理身分证手续通知书」替代随附第17/2024/TT-BCA号通知之CC03号表格。

4. 删除第17条中「中央直属」一词。。

5. 废止第14条。

第四条：实施效力

本通知自2025年7月1日起生效。

第五条：实施责任

1. 社会秩序行政管理警察局局长负责督导、指导、检查并推动各单位与地方公安开展落实本通知。
2. 公安部所属各单位首长、省、市公安经理负责执行本通知。
3. 在本通知执行过程中，如遇困难或障碍，各单位与地方公安机关向公安部（透过社会秩序行政管理警察局）报告，以便及时获得指导。

收件处：

- 公安部次长各同志；
- 部级机关下属单位；
- 省、市公安；
- 公报；
- 政府电子信息门户、公安部电子信息门户；
- 存档：文书、V03、C06。

部长

(已签名盖章)

大将梁三光

~ 恒利翻译，谨供参考 ~

Số: 53/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 55/2021/TT-BCA NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CƯ TRÚ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 66/2023/TT-BCA NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2023; THÔNG TƯ SỐ 56/2021/TT-BCA NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH VỀ BIỂU MẪU TRONG ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 66/2023/TT-BCA NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2023; THÔNG TƯ SỐ 17/2024/TT-BCA NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CĂN CƯỚC

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 3 như sau:

“2. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú thì công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú và những thông tin về điều kiện đăng ký cư trú. Cán bộ tiếp nhận thực hiện tra cứu, khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan để tạo lập hồ sơ đăng ký cư trú. Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người có yêu cầu đăng ký cư trú trực tuyến được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ. Công dân có trách nhiệm xuất trình bản gốc giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin đã kê khai để cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra, đối chiếu và ghi nhận tính chính xác vào biên bản khi thực hiện xác minh.

3. Trường hợp thực hiện đăng ký cư trú trực tuyến, công dân khai báo thông tin theo biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn và những thông tin, tài liệu về điều kiện đăng ký cư trú; nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến. Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người có yêu cầu đăng ký cư trú trực tuyến được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ. Công dân có trách nhiệm xuất trình bản gốc giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin đã kê khai để cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra, đối chiếu và ghi nhận tính chính xác vào biên bản khi thực hiện xác minh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Giấy tờ, tài liệu xác nhận về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp gồm một trong các giấy tờ sau: xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; quyết định tiếp nhận của người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội; quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giấy tờ, tài liệu khác theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Người nước ngoài được nhập quốc tịch Việt Nam khi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú lần đầu phải có Quyết định của Chủ tịch nước về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam. Người gốc Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam khi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú lần đầu sau khi được cho trở lại quốc tịch Việt Nam phải có Quyết định của Chủ tịch nước về việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam trừ trường hợp đã khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc tịch.”.

4. Sửa đổi khoản 7 Điều 22 như sau:

“7. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Công an cấp xã về đăng ký, quản lý cư trú; hướng dẫn đăng ký cư trú đảm bảo

tái hoà nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại địa phương; quản lý, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu về cư trú.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Điều 33 Luật Cư trú.
2. Thu thập, cập nhật chính sửa thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo thẩm quyền;
3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách trên địa bàn quản lý để rà soát, thống kê tình trạng cư trú của người điều khiển và nhân viên trên các phương tiện này để phục vụ công tác quản lý cư trú, phòng ngừa tội phạm.
4. Thực hiện các việc khác về quản lý cư trú theo quy định của Công an cấp trên.
5. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra cư trú.”.
6. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại Điều 9, Điều 22 và Điều 27.
7. Bãi bỏ Điều 23.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 (sau đây viết gọn là Thông tư số 56/2021/TT-BCA)

1. Thay thế biểu mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, ký hiệu là CT01 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Thay thế biểu mẫu CT02 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (dùng cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài không có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng), ký hiệu là CT02 ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Thay thế biểu mẫu CT03 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Phiếu khai báo tạm vắng, ký hiệu là CT03 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Thay thế biểu mẫu CT12 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Thống kê tình hình, kết quả đăng ký, quản lý cư trú, ký hiệu là CT12 ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Thay thế biểu mẫu CT15 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Sổ theo dõi giao, nhận hồ sơ cư trú, ký hiệu là CT15 ban hành kèm theo Thông tư này.
6. Thay thế biểu mẫu CT16 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước bằng biểu mẫu Sổ theo dõi tra cứu, khai thác tàng thư căn cước, cư trú, ký hiệu là CT16 ban hành kèm theo Thông tư này.
7. Bãi bỏ biểu mẫu túi hồ sơ cư trú, ký hiệu CT13 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA.
8. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại Điều 7.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Trường hợp thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước chưa có hoặc chưa đầy đủ địa danh hành chính cấp xã, cấp tỉnh thì cơ quan quản lý căn cước yêu cầu công dân cung cấp giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cấp thể hiện đầy đủ các thông tin đó để thực hiện thu thập, cập nhật, điều chỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán được ghi theo thông tin trên giấy khai sinh; trường hợp địa danh hành chính có sự thay đổi thì ghi theo địa danh hành chính mới đã được thay đổi và có ghi chú thông tin gốc trên giấy khai sinh.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu do người dân cung cấp thể hiện không đầy đủ địa danh hành chính cấp xã, cấp tỉnh thì cơ quan quản lý căn cước đề nghị công dân cung cấp thông tin và có văn bản cam kết, chịu trách nhiệm đối với các thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán đã cung cấp. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý hộ tịch, cơ quan khác có liên quan kiểm tra, xác minh bảo đảm tính chính xác, thông nhất trước khi thu thập, cập nhật, điều chỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Trường hợp thông tin về dân tộc, tôn giáo trên thẻ căn cước chưa có hoặc đã được thu thập nhưng công dân đề

ngập cập nhật, điều chỉnh thì cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 Luật Căn cước.

Thông tin dân tộc, tôn giáo được cập nhật, điều chỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước phải thuộc danh mục dân tộc, tôn giáo được cấp có thẩm quyền ban hành công nhận.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin về công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; chuẩn hóa, số hóa, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; quản lý căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

2. Nắm tình hình, thống kê, rà soát công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chưa được cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

3. Tổ chức thực hiện công tác thu nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; kiểm tra việc sử dụng thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước của công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và công tác cấp, quản lý căn cước trong phạm vi quản lý.

5. Báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác cấp, quản lý căn cước tại địa bàn quản lý về Công an cấp tỉnh.”.

3. Thay thế một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA như sau:

a) Thay thế biểu mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA bằng biểu mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư, ký hiệu DC01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thay thế biểu mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA bằng biểu mẫu Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước, ký hiệu CC03 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại Điều 17.

5. Bãi bỏ Điều 14.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C06.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang